

LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

QUYỂN 39

Chương 2: **KIÊN-ĐỘ SỬ**

Phẩm 4: **MƯỜI MÔN**, Phần 3

Mười hai nhập: Nhân nhập cho đến pháp nhập.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đây là kinh Phật. Kinh Phật nói: Bà-la-môn Sinh Văn đi đến chỗ Phật, đến rồi thì thưa hỏi Thế tôn nhiều việc sau khi vấn an Đức Thế tôn thì ngồi qua một phía, bạch Phật: Bạch Thế tôn! Nói tất cả là nhiều, tất cả có bao nhiêu thứ? Sa-môn Cù-đàm! Xin vì tôi giải thích tất cả là thế nào?

Phật bảo Bà-la-môn: Ta lập bày tất cả, đó là nhân nhập cho đến pháp nhập, đó gọi là tất cả. Như lai nói pháp như thế, gọi là tất cả. Bà-la-môn! Nếu có ai nói: Ta có thể ngăn Sa-môn Cù-đàm giảng nói về tất cả. Lại nói: Tất cả còn lại, chỉ có lời này nhưng không có thật. Nếu hỏi trở lại, thì họ sẽ sinh mê lầm ngỡ vực. Vì sao? Vì chẳng phải cảnh giới của họ.

Mặc dù kinh Phật nói như thế, nhưng không phân biệt rộng. Kinh Phật là phần cội gốc để soạn luận này. Những điều trong kinh ấy không nói, nay vì muốn nói rộng nên soạn luận này.

Hỏi: Nếu nói rằng: Lại có thuyết nói: Tất cả là mười tám giới.

Lại có thuyết nói: Tất cả, là năm ấm và pháp vô vi.

Lại có thuyết nói: Tất cả, là bốn đế và hư không phi số diệt.

Lại có thuyết nói: Tất cả là danh, sắc.

Các thuyết như thế v.v..., đều chỉ là lời nói mà không có thật. Nếu hỏi ngược lại, thì họ sẽ sinh ngu si, mê lầm, vì chẳng phải cảnh giới của họ chẳng?

Đáp: Nghĩa ngăn trong đây, là không ngăn chặn về văn. Nếu nói rằng: Tánh của tất cả pháp, thuộc về mười hai nhập. Nếu có thuyết nói:

Pháp còn lại chẳng phải thuộc về mười hai nhập. Nói như thế, chỉ là nói suông, không hề có thật, cho đến nói rộng.

Nói mười hai nhập là nói thù thắng, nói tinh diệu, nói tối thượng.

Hỏi: Vì sao nói mười hai nhập, gọi là nói về thù thắng, nói về tinh diệu, nói về trên hết?

Đáp: Nói nhập là nói về chính giữa, nói có thể gồm nhiếp tất cả pháp. Nói về giới, mặc dù có thể gồm nhiếp tất cả pháp, mà là nói rộng. Nói về ấm là không gồm nhiếp tất cả pháp, chỉ gồm nhiếp pháp hữu vi, không gồm nhiếp pháp vô vi, mà là nói sơ lược. Nói về nhập là nói về trung tâm, cũng gồm nhiếp tất cả pháp.

Nếu muốn quán tất cả pháp, phải dùng môn nhập. Nếu dùng môn nhập để quán, thì sinh mười hai trí sáng, hiện ra hình tượng của mười hai nghĩa. Như người mài viên ngọc trong suốt, phải dùng mười hai gương soi đặt vào chính giữa, sẽ có mười hai hình ảnh hiện ra. Việc quán kia cũng giống như thế. Một thân có mười hai nhập có thể đạt được.

Hỏi: Nếu một thân có mười hai nhập có thể đạt được, thì vì sao nói có mười hai nhập?

Đáp: Vì chỗ tạo tác khác nhau, nên dù trong một thân có mười hai nhập có thể đạt được, nhưng chỗ tạo tác của mười hai nhập đều khác nhau. Ví như trong một ngôi nhà có mười hai người thợ khéo cùng ở, tuy đồng ở một nhà, nhưng việc làm có mười hai thứ. Một thân có mười hai nhập kia cũng giống như thế.

Lại nữa, do hai việc nên lập mười hai nhập:

1. Do chỗ nương dựa.
2. Do sở duyên.

Lại nữa, do ba việc nên lập mười hai nhập:

1. Do tự thể.
2. Do chỗ nương dựa.
3. Do sở duyên.

Tự thể: Nghĩa là nhãn nhập cho đến pháp nhập.

Chỗ nương dựa: Sáu chỗ nương dựa, nghĩa là nhãn cho đến ý.

Sở duyên: Sáu sở duyên: Sắc cho đến pháp. Đây là thể tánh của Nhập. Cho đến nói rộng.

Đã nói về thể tánh nhập. Về lý do nay sẽ nói:

Vì sao gọi là nhập? Nhập là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa đi vào cửa là nghĩa nhập. Nghĩa con đường vận chuyển là nghĩa nhập. Nghĩa chứa đựng là nghĩa nhập. Nghĩa kho lẫm là nghĩa nhập. Nghĩa sỏi dọc là nghĩa nhập. Nghĩa chỗ giết hại là nghĩa nhập.

Nghĩa ruộng nương là nghĩa nhập. Nghĩa suối là nghĩa nhập, nghĩa dòng chảy là nghĩa nhập. Nghĩa biển là nghĩa nhập. Nghĩa trắng là nghĩa nhập. Nghĩa tịnh là nghĩa nhập.

Nghĩa vào cửa là nghĩa nhập: giống như vật dụng được đưa vào trong thành ấp thôn xóm, dân chúng có được rồi, thì nuôi lớn thân. Cũng thế, do chỗ nương dựa và sở duyên, nên khiến tâm được nuôi lớn. Nghĩa con đường vận chuyển cũng giống như thế.

Nghĩa chứa đựng là nghĩa nhập: Cũng như trong kho tàng có các vật báu như: Vàng v.v..., có thể giữ lấy. Cũng thế, vì chỗ nương dựa và sở duyên, nên có pháp tâm, tâm sở v.v..., có thể nhận lấy.

Nghĩa kho lẫm là nghĩa nhập. Cũng như trong kho có các thứ hạt giống có thể giữ lấy. Như vậy, do chỗ nương dựa, sở duyên nên có pháp tâm, tâm sở có thể chấp.

Nghĩa sợi dọc là nghĩa nhập: giống như máy dệt, chỉ sợi được luôn kết ở mỗi chỗ. Cũng thế, do chỗ nương dựa, sở duyên, nên pháp tâm, tâm sở có mặt khắp nơi.

Nghĩa nơi giết hại là nghĩa nhập: Cũng như chỗ giết mổ, chặt đứt trăm, ngàn đầu các chúng sinh trên đất. Cũng thế, do chỗ nương và sở duyên, khiến cho pháp tâm, tâm sở bị vô thường, tiêu diệt, hủy hoại.

Nghĩa ruộng nương là nghĩa nhập: giống như trong ruộng có các mầm lúa, có thể giữ lấy. Cũng thế, do chỗ nương dựa và sở duyên, nên có vô số các thứ pháp tâm, tâm sở có thể nhận lấy.

Nghĩa suối là nghĩa nhập: Như kệ nói:

*Nơi nào nước suối sinh
Chốn nào đường không thông
Các khổ vui thế gian
Chỗ nào được dứt hết?*

Đức Phật nói rằng:

*Mắt tai cùng với mũi
Lưỡi, thân cùng với ý
Chỗ này dứt danh sắc
Khiến cho không còn sót.*

Chỗ này có thể sinh khởi suối nước, cho đến nói rộng.

Nghĩa dòng chảy là nghĩa nhập: Như nói kệ:

*Tất cả đều chảy ra
Lấy gì ngăn dòng ấy?
Lấy gì làm dòng giới
Khiến dòng dừng không chảy.*

Đức Phật nói:

*Các dòng chảy, thế gian
Nên dùng chánh niệm ngăn
Cũng gọi dòng chảy giới
Tuệ khiến dòng chảy dứt.*

Nghĩa biển là nghĩa nhập. Như kinh nói: Tỳ-kheo nên biết! Mắt là biển cả, sắc là sóng to. Nếu người nào chịu nổi sóng to của sắc người ấy có thể vượt qua biển mắt rộng lớn tránh khỏi tai nạn nước xoáy, chảy cuộn, La-sát v.v...

Cho đến ý, nói cũng giống như thế.

Nghĩa trắng là nghĩa nhập: Vì sạch, nên gọi là trắng, cũng gọi là tịnh.

Cho nên nghĩa đi vào cửa là nghĩa nhập cho đến nói rộng.

Sách ngoại đạo nói nhập, gọi là Bộ-Na (Âm Thiên-trúc, Bộ-na dịch là căn, cũng dịch là nhập, cũng dịch là làm) như Phạm chí Ma-Kiền-Đề kia nói rằng: Sa-môn Cù-dàm! Tâm không có Bộ-na (nhập) nên không thọ con gái của ta.

Đã nói chung về các nhập. Về lý do, nay sẽ nói từng thể riêng.

Thế nào là nhãn nhập?

Đáp: Nếu mắt đã thấy sắc, đang thấy sắc, sẽ thấy sắc và nhãn nhập, phần của người kia khác. Đã thấy sắc là quá khứ, đang thấy sắc là hiện tại, sẽ thấy sắc là vị lai và nhãn nhập, phần của người kia khác. Nói rộng như giới xứ. Cho đến ý nhập, nói cũng giống như thế.

Thế nào là sắc nhập?

Đáp: Nếu sắc nhập đã là chỗ thấy của mắt, đang là chỗ thấy của mắt, sẽ là chỗ thấy của mắt nói rộng như giới xứ.

Hỏi: Mười sắc nhập, đều có thể là sắc, vì sao nói một nhập là sắc, không nói các nhập khác?

Đáp: Vì một nhập này là pháp thô, rõ ràng, hiện thấy.

Lại nữa, nhập này là cảnh giới của hai nhãn: Nhục nhãn và Thiên nhãn.

Lại nữa, nhập này là cảnh giới của ba nhãn: Nhục nhãn và Thiên nhãn, tuệ nhãn.

Lại nữa, đây là cảnh giới của hai nhập, là sở duyên của mắt, sắc, cho nên, Tôn giả Cù-sa nói: là cảnh giới của hai nhãn, làm sở duyên của nhãn thức. Do đó, nhập này gọi là sắc nhập, chẳng phải nhập khác.

Lại nữa, nhập này có đặt ra thô, tế, dài, ngắn, ở đây, ở kia.

Lại nữa, nhập này là chướng ngại lớn, nhập này có thể gieo trồng,

có thể sinh khởi, có thể tăng trưởng vật ngoài.

Có thể gieo trồng: là lúc còn là hạt

Có thể sinh khởi: Là lúc nảy mầm.

Có thể tăng trưởng: Là lúc cộng, lá, hoa, quả.

Vật trong có thể gieo trồng: Là lúc Ca-la-la.

Có thể sinh: Là lúc An-phù-đà.

Có thể tăng trưởng: Là lúc Ty thi, Già-na, Bà-la-xa-khư.

Lại nữa, thể của phương là sắc. Do sắc nên đặt ra các phương hướng.

Lại nữa, thể của do-tuần là sắc, do sắc, nên đặt ra do-tuần.

Lại nữa, nhập này có thể che đậy nhập khác, giống như khăn, mào, nên gọi là sắc nhập.

Lại nữa, nếu nói hai mươi thứ, hai mươi mốt thứ thì gọi là sắc nhập. Sắc, nhập khác thì không như vậy. Thanh, hương, vị nhập, nói rộng như giới, xứ.

Hỏi: Xúc nhập, vì có thể xúc chạm, nên là xúc nhập, hay vì thể là sự xúc chạm, nên là xúc nhập? Hay vì sở duyên của xúc, nên là xúc nhập? Nếu có thể xúc chạm là xúc nhập thì vi trần không thể xúc chạm vi trần. Nếu thể là sự xúc chạm nên gọi là xúc nhập, thì thể là sắc do bốn đại tạo chẳng phải thể của xúc.

Nếu vì là sở duyên của xúc nên gọi là xúc nhập, thì phải chăng cũng là đối tượng của số pháp khác?

Đáp: Nên nói rằng: Vì có thể xúc chạm nên gọi là xúc nhập.

Hỏi: Nếu vậy thì vi trần không thể xúc chạm với vi trần.

Đáp: Đây là lời thế tục. Thế tục đã nói rằng: Mắt từng trải qua các việc, gọi là thấy, tai từng trải qua các việc, gọi là nghe. Mũi từng trải qua các việc, gọi là ngửi. Lưỡi từng trải qua các việc, gọi là nếm vị. Thân từng trải qua các việc, gọi là xúc chạm.

Lại nữa, vì duyên thân duyên xúc, nên sinh thân thức. Vì sinh thân thức, có thể duyên thân thức của thật nghĩa, nên gọi là xúc.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà: nói là lẽ ra không có xúc. Vì sao? Vì khi sắc, xúc nhóm hợp, không có gián cách, giả gọi là xúc, không có xúc thật nghĩa.

Lại nữa, vì có thể sinh ra nhập khác, tăng trưởng nhập khác, nên gọi là xúc nhập.

Thế nào là pháp nhập? Như pháp đã được ý nhận biết, đang được ý nhận biết, sẽ được ý nhận biết, nói rộng như giới xứ.

Hỏi: Thể tánh của mười hai nhập là pháp, cơ sao nói một nhập gọi

là pháp, chẳng phải các nhập khác?

Đáp: Dù thể tánh của mười hai nhập là pháp, nhưng pháp nhập nên gọi là pháp. Vì sao? Vì như mười tám giới, dù thể tánh là pháp, nhưng chỉ có pháp giới được gọi là pháp. Như mười trí dù thể tánh là pháp, nhưng chỉ có pháp trí, được gọi là Pháp. Bảy giác chi tuy thể tánh là pháp, nhưng giác chi trạch pháp, mới được gọi là pháp. Pháp niệm của sáu niệm gọi là pháp. Pháp niệm xứ của bốn niệm xứ, gọi là pháp. Bốn tịnh bất hoại đối với pháp không hoại, gọi là pháp. Pháp vô ngại trong bốn vô ngại, gọi là pháp. Pháp tam quy Tam bảo, quy y pháp bảo, gọi là pháp.

Lại nữa, nhập khác có hai tên gọi nhập này chỉ có một tên gọi.

Lại nữa, nhập khác là danh không chung nhập này là danh chung lấy chung làm tên.

Lại nữa, có thể sinh tất cả các pháp, vì sinh ở trong pháp đó, nên gọi là pháp nhập.

Lại nữa, tướng dấu ấn chứng của tất cả các pháp là sinh, già, vô thường, vì ở trong đó, nên gọi là pháp nhập.

Lại nữa, dùng tên gọi là để làm rõ các pháp, gọi là ở trong đó nên gọi là pháp nhập.

Lại nữa, chỗ đến của các pháp, được gọi là pháp nhập, như chỗ gió thổi đến, gọi là lỗ thông gió. Pháp nhập kia cũng giống như thế.

Lại nữa, vì có thể hiểu về pháp không vì ở trong ấy, nên gọi là pháp nhập.

Hỏi: Nếu vậy năng chấp ngã, pháp cũng ở trong pháp nhập kia, có thể nói là ngã nhập chăng?

Đáp: Chấp ngã chẳng thật, mà hiểu không mới là thật.

Lại nữa, pháp thật bậc nhất, nghĩa là pháp thường trú không thay đổi, không bị hủy hoại do sinh, già chết. Vì Niết-bàn diệt tận ở trong pháp ấy, nên gọi là pháp nhập.

Lại nữa, có thể phân biệt tướng chung, tướng riêng, nhả bỏ cái ngu tài vật thể và dứt bỏ ngu đối với duyên khác, không nhận lấy tướng luống dối, và vì tuệ ở trong pháp đó, nên gọi là pháp nhập.

Lại nữa, vì ở trong pháp thật kia có nhiều pháp, nên gọi là pháp nhập. Nhiều pháp, nghĩa là pháp sắc, vô sắc pháp tương ứng, bất tương ứng, pháp có nương dựa, không có nương dựa, pháp có hành, không có hành, pháp có duyên, không có duyên, pháp có thể dụng, pháp không có thể dụng.

Đã nói riêng về mỗi thể của các nhập. Nay sẽ tìm hiểu thứ lớp

của các nhập đó. Vì sao Đức Thế tôn trước nói nhãn nhập ở trong nội nhập, cho đến ý nhập. Trước nói sắc nhập trong ngoại nhập cho đến pháp nhập.

Đáp: Vì Đức Thế tôn muốn cho thuận theo nghĩa văn.

Lại nữa, nhằm khiến người thuyết giảng thuận theo, người thọ trì cũng thuận theo.

Lại nữa, vì có thô, tế, nên nhãn nhập trong sáu nội nhập vì thô nên nói trước, còn ý nhập vì tế, nên nói sau. Sắc nhập trong sáu nhập ngoài vì thô, nên nói trước, pháp nhập vì tế, nên nói sau

Hỏi: Vì sao lập sáu nhập trong, sáu nhập ngoài? Vì người hay vì pháp? Nếu vì pháp, thì tất cả pháp đều không có tâm dục, vì sao lập nội ngoại? Nếu do người thì trong nghĩa như thật, rốt ráo không có người. Nếu không có người thì làm sao có nội, ngoại?

Đáp: Nên nói rằng: Vì biết pháp, nên lập nội, ngoại nhập, chẳng phải tất cả pháp. Nếu pháp có thể làm chỗ nương cho sáu thức, là nội nhập, còn làm sở duyên cho sáu thức, là ngoại nhập.

Lại nữa, căn là nội nhập, nghĩa của căn là ngoại nhập. Đối tượng cảnh giới và cảnh giới cũng vậy. Nhưng pháp nội, ngoại này không nhất định: Nếu nội nhập của ta là ngoại nhập của người khác, hoặc nội nhập của người khác là ngoại nhập của ta, kinh Phật nói sáu nhập này nên biết là pháp nội.

Hỏi: Như tất cả pháp, nên biết đều là pháp nội, thì vì sao chỉ nói sáu nhập là pháp nội?

Đáp: Vì Đức Thế tôn muốn dạy bảo các đệ tử nên hành thiền ở pháp nội. Như nói: Quán sát nội căn, tâm không duyên bên ngoài.

Lại nữa, vì Đức Thế tôn muốn dạy các đệ tử không nên thực hành thiền luống dối. Như nói: Các ông không nên thực hành thiền luống dối chấp có thường, lạc, ngã, tịnh, mà nên thực hành thiền không luống dối, chấp là vô thường, vô ngã, không có lạc, không có tịnh, chấp là tập nhân có duyên, nên dùng tám hạnh Thánh này để quán sát về hữu.

Lại nữa, vì Đức Thế tôn muốn dạy các đệ tử nên thực hành thiền không chung. Như nói: Các ông không nên thực hành pháp thiền chung, là quán thô, quán khổ, quán thô hư hoại, quán dứt bỏ sự xuất ly kì diệu, nên thực hành pháp thiền không chung. Nên quán như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên cắm vào thân, thường là lỗi lầm, nên quán vô thường, khổ, không vô ngã. Phải dùng tám pháp này quán sát hữu.

Lại nữa, kinh này nói quán sát pháp nội. Nếu đối với pháp nội, chấp có ngã, tức là chấp ngã sở. Chấp mình, bèn chấp cái của mình. Đối

với ngã, có ái thì đối với ngã sở, cũng có ái. Nếu thấy có ngã thì cũng thấy có ngã sở. Vì nuôi lớn nội ngã, nên tìm kiếm vật cần dùng bên ngoài, kinh Phật nói sáu xúc nhập, nên biết là pháp nội.

Hỏi: Sáu nhập và sáu xúc nhập có gì khác nhau không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có khác nhau. Vì nếu nói sáu xúc nhập, hoặc nói sáu nhập, về danh tuy có khác, nhưng về nghĩa thì không khác.

Lại có thuyết nói: Danh tức khác nhau: đó gọi là xúc nhập, đó gọi là sáu nhập.

Lại nữa, nếu có chỗ tạo tác, thì đó gọi là xúc nhập. Nếu không có chỗ tạo tác, thì đó gọi là sáu nhập. Nếu nói như thế, thì hiện tại là xúc nhập, quá khứ, vị lai là sáu nhập.

Lại nữa, nếu đã sinh sáu nhập là xúc nhập. Nếu chưa sinh, sáu nhập là sáu nhập. Nếu nói như thế, thì quá khứ, hiện tại là xúc nhập, vị lai là sáu nhập.

Lại nữa, nếu vì xúc làm chỗ nương thì đó gọi là xúc nhập. Nếu vì số pháp làm chỗ nương dựa thì gọi là sáu nhập.

Lại nữa, nếu vì pháp tâm, tâm sở làm chỗ nương, thì gọi là xúc nhập. Nếu hư không, chẳng làm chỗ nương cho pháp tâm, tâm sở thì đó gọi là sáu nhập.

Tôn giả Ba-xa nói: Thể là sáu nhập. Nếu vì xúc là chỗ nương thì gọi là sáu xúc nhập. Như thể tánh của chiếc bát là bát, vì Tỳ-kheo đang dùng nên gọi là bát của Tỳ-kheo. Xúc nhập kia cũng giống như thế.

Tôn giả Phú-na-xa nói: Thể tánh của nhập là chỗ tạo tác của sáu nhập, nhập là sáu xúc nhập. Giống như thể tánh của cái bát sắt là sắt, vì nó đựng bơ, nên gọi là bát sắt tô.

Hỏi: Xúc nhập này cũng giống như thế. Sáu thọ nhập, sáu tưởng, sáu tư đồng nhập, vì sao chỉ nói sáu xúc nhập?

Đáp: Nên nói sáu thọ nhập, cho đến sáu tư đồng nhập, mà không nói, nên biết thuyết này chưa trọn vẹn.

Lại nữa, vì danh, nghĩa của xúc vượt hơn. Nếu nói sáu xúc nhập, nên biết cũng nói sáu thọ nhập, cho đến sáu tư cùng nhập.

Lại nữa, xúc là tâm, tâm, số pháp. Pháp tâm sở đều từ xúc sinh, do sức của xúc mà hiện ở trước, nên gọi là xúc nhập.

Kinh Phật nói: Sáu nhập bên trong là bờ bên này. Sáu nhập bên ngoài là bờ bên kia.

Hỏi: Đức Phật nói bờ bên này, bờ bên kia, là do pháp nào?

Đáp: Vì pháp gần, xa. Như sông đối với con người thì gần, là bờ

bên đây, còn xa là bờ bên kia. Cũng thế, pháp tâm, tâm sở gần là chỗ nương, xa là sở duyên.

Lại nữa, như pháp mới vào và đã độ, nên như người mới vào chỗ sông là bờ này, chỗ đã vượt qua là bờ bên kia. Cũng thế, pháp tâm, tâm sở mới nhập, như chỗ nương, đã vượt qua, như sở duyên.

Lại nữa, Niết-bàn diệt tận là pháp của bờ bên kia, thuộc về ngoại nhập. Do gồm nhiếp pháp, nên ngoại nhập gọi là bờ bên kia.

Kinh Phật nói: Thân kiến là bờ bên này, thân kiến diệt là bờ bên kia.

Hỏi: Trong đây thế nào là sông?

Đáp: Tâm, pháp tâm sở là như thuộc về con sông. Số chúng sinh, số phi chúng sinh là trôi vào biển cả. Tâm, pháp tâm sở của chúng sinh thuộc về sở duyên, chỗ nương dựa như thế, đều trôi vào biển cả sinh tử.

Kinh Phật nói: Có tám Thắng xứ, mười Nhất thiết xứ

Hỏi: Các xứ này cũng là nhập, vì sao chỉ nói mười hai nhập?

Đáp: Vì các xứ đó cũng ở trong mười hai nhập này, là pháp tương ưng, cộng hữu của các xứ đó, nên biết đều là ý nhập, pháp nhập. Kinh Phật nói: Bốn định Vô sắc là xứ, như Không xứ, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Hỏi: Vì sao Đức Thế tôn nói bốn định Vô sắc là xứ?

Đáp: Vì Đức Thế tôn muốn cho khác với ngoại đạo, ngoại đạo chấp xứ kia là bốn thứ giải thoát:

1. Không có thân.
2. Ý vô biên
3. Nhóm tịnh.
4. Tháp thế gian.

Không có thân: Là Không xứ. Ý vô biên là Thức xứ. Nhóm tịnh là Vô sở hữu xứ, Tháp thế gian là Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Vì khác với ngoại đạo, nên đã nói rằng: Đây là xứ sinh, chẳng phải giải thoát. Kinh Phật nói có hai xứ:

1. Xứ chúng sinh Vô tưởng.
2. Xứ chúng sanh Phi tưởng, Phi phi tưởng.

Hỏi: Vì sao kinh Phật gọi hai xứ này là xứ?

Đáp: Vì Phật muốn khác với ngoại đạo, ngoại đạo chấp hai xứ này là giải thoát. Phật nói: Hai xứ này là xứ sinh, chẳng phải giải thoát.

Lại nữa, xứ này là pháp lui sụt, mà ngoại đạo chấp là giải thoát. Phật nói: Xứ này là xứ lui sụt của chúng sinh, vì sinh lại trong các cõi,

các loài, các giới.

Lại nữa, xứ này là pháp phân tán, mà ngoại đạo chấp là giải thoát. Phật nói: Hai xứ này là pháp phân tán, chúng sinh đối với xứ này, phân tán trong các cõi, các loài, các giới. Chúng sinh Vô tướng phân tán ở cõi Dục. Chúng sinh ở Phi tướng, Phi phi tướng phân tán ở địa dưới.

Lại nữa, vì tuổi thọ lâu dài, nên ngoại đạo chấp là giải thoát. Chỗ thọ thân của tất cả phàm phu, tuổi thọ lâu dài, không bằng tuổi thọ năm trăm đại kiếp của xứ Vô tướng. Tất cả chỗ sinh, tuổi thọ lâu dài, không bằng tám muôn đại kiếp tuổi thọ của xứ phi tướng, Phi phi tướng. Đức Phật đã nói rằng: Đây là chỗ thọ sinh, chẳng phải giải thoát.

Lại nữa, Phật nói xứ khác có hai tên:

1. chỗ cư trú của chúng sinh.
2. Là thức trụ.

Cũng dùng hai tên để gọi hai xứ này:

1. Gọi là chỗ ở của chúng sinh.
2. Gọi là xứ.

Lại nữa, chỗ cư trú của chúng sinh, Phật nói là Thức trụ. Nếu là chỗ ở của chúng sinh ấy chẳng phải thức trụ, Phật nói là xứ.

Như kinh nói: Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Phật bạch rằng: Thế tôn nói nhập là không còn gì trên. Nói: Tất cả nghĩa là mười hai nhập. Thế tôn biết pháp này là hoàn toàn trọn vẹn. Trí vô dư của Thế tôn là vô thượng. Không có sự hiểu biết của Sa-môn, Bà-la-môn, Đẳng giác nào vượt qua Đức Thế tôn.

Hỏi: Tôn giả Xá-lợi-phất làm sao có thể biết câu nói tất cả nghĩa là mười hai nhập?

Đáp: Vì từ Phật nghe giảng nói nên biết được pháp này. Kinh Phật nói: cái gọi là tất cả, nghĩa là mười hai nhập. Tôn giả Xá-lợi-phất đã được đức tin không hoại, nên đối với lời Phật nói, sinh niềm tin tôn trọng.

Hỏi: Tôn giả Xá-lợi-phất vì đã nghe từ Phật, nên có thể biết pháp này, chẳng phải trí tự hiện?

Đáp: Tôn giả cũng tự có Hiện trí có thể biết. Vì sao? Vì Tôn giả Xá-lợi-phất đối với mười hai nhập, cũng đều thấy biết từng nhập một.

Hỏi: Thế tôn đều thấy biết từng nhập một trong mười hai nhập, Tôn giả Xá-lợi-phất đối với mười hai nhập cũng đều thấy biết, từng nhập một vậy thì chỗ nhận biết của Đức Thế tôn và Tôn giả Xá-lợi-phất có gì khác nhau?

Đáp: Đức Thế tôn thấy biết từng nhập một trong mười hai nhập,

vừa dùng tướng chung, cũng dùng tướng riêng. Còn Tôn giả Xá-lợi-phất cũng thấy biết từng nhập một trong mười hai nhập, nhưng chỉ dùng tướng chung, không thể dùng tướng riêng. Vì sao? Vì còn có vô lượng nghĩa nhập. Trong mười hai nhập, Tôn giả Xá-lợi-phất phải nhờ Phật chỉ rõ, mới biết.

Lại nữa, Tôn giả Xá-lợi-phất thấy biết từng nhập một trong mười hai nhập, là nghe người khác, mà biết. Còn chỗ nhận biết của Đức Thế tôn là giác ngộ một mình không có thầy chỉ dạy.

Lại nữa, Đức Thế tôn có Nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí. Tôn giả Xá-lợi-phất có Nhất thiết trí, không có Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, Tôn giả Xá-lợi-phất thức thân nên biết. Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Tất cả là chỗ nương và chỗ duyên của sáu thức.

Lại nữa, Tôn giả Xá-lợi-phất vì lời giảng nói đã đầy đủ, nên biết, Phật nói mười hai nhập: Nhân nhập cho đến ý nhập, sau cùng nói pháp nhập.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Trong mười một nhập của các pháp, điều không nói, đều ở trong pháp nhập. Vì vậy, do thuyết đã nói là đầy đủ, nên biết năm ấm từ sắc ấm cho đến thức ấm.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đây là kinh Phật. Kinh Phật nói năm ấm, cho đến nói rộng. Tuy kinh Phật nói năm ấm, nhưng không phân biệt rộng. Kinh Phật là chỗ cội gốc của luận. Nay vì muốn phân biệt rộng về năm ấm, nên soạn luận này.

Thế nào là sắc ấm? Kinh Phật nói: tất cả Các sắc đều là bốn đại và do bốn đại tạo. Kinh khác lại nói: Thế nào là sắc ấm? Tất cả các sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc xấu, hoặc tốt, hoặc xa hoặc gần.

Các pháp v.v... như thế, được gọi là chung là sắc ấm. Cho đến Thức ấm, nói cũng giống như vậy.

Người A-tỳ-đàm nói rằng: Thế nào là sắc ấm? Đó là mười sắc nhập và sắc trong pháp nhập. Đó gọi là sắc ấm.

Ba thuyết này có gì khác nhau?

Đáp: Mỗi thuyết đều nhằm ngăn các nghĩa khác.

Hỏi: Như kinh nói: tất cả các sắc đều là bốn đại và do bốn Đại tạo ra. Ở đây là nhằm ngăn những nghĩa khác nào?

Đáp: Đức Phật vì đời vị lai, nên nói như thế. Đức Phật đã biết trước ở đời vị lai sẽ có người nói như thế. Ngoài bốn đại không có sắc tạo, như Phật-đà-đề-bà v.v...

Vì ngăn dứt ý của các thuyết như thế, nên kinh đã nói rằng: Tất cả các sắc đều là bốn đại và bốn đại tạo, như nói: Tất cả các sắc nơi quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài cho đến nói rộng.

Ở đây vì nhằm ngăn dứt các nghĩa của người khác nào?

Đáp: Bấy giờ có vị Phạm chí tên là Lao-la-ni-khư, nói không có quá khứ, vị lai. Vì ngăn dứt ý của Phạm chí ấy, nên Đức Thế tôn nói rằng: Tất cả các sắc trong quá khứ vị lai, hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài cho đến nói rộng. Như nói: Thế nào là sắc ấm? Nghĩa là mười sắc nhập và sắc trong pháp nhập. Ở đây vì nhằm ngăn dứt nghĩa của những người khác nào?

Đáp: Vì ngăn dứt ý của phái Thí dụ giả. Người Thí dụ không nói pháp nhập có sắc. Cho nên Tôn giả Đạt-ma-đa-la đã nói rằng: Tất cả các sắc đều là chỗ nương dựa, sở duyên của năm thức.

Thế nào gọi là sắc chẳng phải chỗ nương của năm thức, sở duyên của năm thức.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, nên Tôn giả kia soạn luận A-tỳ-đàm, nói rằng: Thế nào là sắc ấm? Nghĩa là mười sắc nhập và sắc trong pháp nhập.

Hỏi: Nếu sắc trong pháp nhập có thể tướng thật, thì làm sao hiểu được lời của Tôn giả Đạt-ma-đa-la nói?

Đáp: Có thể nói rằng: Tất cả các sắc đều là chỗ nương của năm thức, sở duyên của sáu thức. Sắc trong pháp nhập mặc dù không làm chỗ nương của năm thức, sở duyên của năm thức, nhưng làm sở duyên cho ý thức.

Lại nữa, sắc trong pháp nhập dù chẳng phải sở duyên của năm thức, chỗ nương của năm thức là sở duyên thân thức. Vậy thế nào là chỗ nương của năm thức? Đó là bốn đại.

Thế nào là thọ ấm? Nghĩa là sáu thọ thân: Nhãn, xúc sinh thọ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, xúc sinh ra thọ. Như kinh Phật nói, thuyết A-tỳ-đàm cũng thế.

Tưởng ấm là thế nào? Nghĩa là sáu tưởng thân: Nhãn xúc sinh tưởng, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra tưởng. Như kinh Phật nói, Thuyết của A-tỳ-đàm nói cũng giống như vậy.

Hành ấm là thế nào?

Đáp: Kinh Phật nói: Nghĩa là sáu tư thân: Nhãn xúc sinh tư, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh tư. Thuyết A-tỳ-đàm nói rằng: Hành ấm hoặc tương ứng, hoặc bất tương ứng, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao trong các pháp tương ứng, bất tương ứng hành ấm.

Đức Thế tôn chỉ nói Tư là Hành ấm, mà chẳng phải pháp tương ứng, bất tương ứng khác?

Đáp: Vì tư nuôi lớn hành, làm vượt hơn, nên Đức Thế tôn nói tư là hành. Như ái nuôi lớn Tập làm vượt hơn, cho nên đối với tất cả hữu lậu, Đức Thế tôn nói ái là tập. Tư kia cũng giống như vậy.

Lại nữa, nghĩa tạo tác là nghĩa hành, Thể của tư là tạo tác.

Thức ấm, là sao? Nghĩa là thân sáu thức: Thân nhân thức cho đến thân ý thức, như kinh nói, thuyết của A-tỳ-đàm nói cũng thế. Đây là thể của ấm, cho đến nói rộng.

Đã nói về thể tướng của ấm, nay sẽ nói về lý do:

Vì sao gọi là ấm? Ấm nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa nhóm là nghĩa ấm. Nghĩa tóm lược là nghĩa ấm. Nghĩa chất chứa là nghĩa ấm. Nghĩa chung là nghĩa ấm.

Nếu lập bày thể gian, tức là lập bày ấm.

Nếu nói nhiều ngữ, ấm tức là nhiều ngữ.

Nghĩa nhóm là nghĩa ấm. Nghĩa là tất cả các sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài cho đến nói rộng, đều nhóm họp lại là sắc ấm, cho đến thức ấm cũng vậy. Nghĩa tóm lược nói cũng giống như thế.

Nghĩa chất chứa là nghĩa ấm: Như đủ các thứ vật thể xem lẫn, họp thành một đồng. Các thứ sắc như vậy họp thành sắc ấm, cho đến Thức ấm cũng thế.

Nghĩa chung là nghĩa ấm: Tất cả các sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội, hoặc ngoại cho đến nói rộng. Các sắc, v.v... như thế, gọi chung là sắc ấm, cho đến Thức ấm cũng vậy.

Hỏi: Sắc của quá khứ, vị lai, hiện tại có thể nhóm họp được không?

Đáp: Có thể nhóm họp về danh của sắc, không nhóm họp về thể của sắc, cho đến thức cũng giống như thế.

Lập bày thể gian là lập bày ấm. Như lập bày sắc ấm có ba đời, cho đến thức ấm cũng thế.

Nhiều lời nói là lời nói của ấm. Như nhiều của cải gọi là tài ấm. Nhiều lúa gọi là cốc ấm, nhiều quân gọi là quân ấm.

Ức vạn Na-do-tha rất nhiều sắc như thế, gọi chung là sắc ấm, cho đến thức ấm cũng thế.

Hỏi: Một vi trần có thể lập sắc ấm không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không thể lập. Vì nếu một vi trần muốn lập thì phải chất chứa, nhóm.

Lại có thuyết nói: Một vi trần có thể lập sắc ấm, vì tướng nên lập. Nếu một vi trần không gọi là ấm, thì nhiều vi trần nhóm hợp lại, cũng không gọi là ấm. Người A-tỳ-đàm nói rằng: Một vi trần không do ấm, nên thuộc về một giới, một nhập, một ấm. Nếu do ấm, tức là phần ít của một giới, một nhập, một ấm. Như người ở trên đồng lúa nhặt lấy một hạt lúa, người khác hỏi: Ông nhặt lấy bao nhiêu hạt lúa? Nếu người kia không lấy hết đồng lúa, thì sẽ nói: Tôi nhặt lấy một hạt lúa thôi. Nếu người kia dùng cả đồng lúa thì sẽ nói: Tôi lấy một hạt lúa của đồng lúa.

Đã nói chung về lý do của ấm. Nay sẽ tìm hiểu thứ lớp của ấm:

Vì sao Đức Thế tôn trước nói sắc ấm, sau nói cho đến thức ấm?

Đáp: Vì Đức Thế tôn muốn cho văn nghĩa thuận theo.

Lại nữa, vì Đức Thế tôn muốn cho người giảng nói thuận theo, người vâng giữ thuận theo.

Lại nữa, vì thô tế sắc ấm là thô trong năm ấm, vì thô nên nói trước, vì thọ ấm là thô trong bốn ấm Vô sắc, nên nói sau sắc ấm.

Hỏi: Như thọ chẳng phải sắc, không dừng lại phương hướng, xứ sở, thì làm sao lập có thô, tế?

Đáp: Vì sở hành của thọ. Như người thế gian nói: Tay ta chịu khổ, vui, thì các bộ phận đầu, chân, thân v.v... đều thọ khổ, vui.

Nói sắc như thế, v.v..., thọ cũng nói như thế.

Tướng chuyển biến đối với thọ nên kế thọ, là nói Tưởng.

Hành chuyển biến là tế đối với tưởng nên nói Hành. Thức rất vi tế nên được nói sau.

Hỏi: Như năm ấm là tướng tạo tác, tạo tác là Hành ấm. Vì sao Đức Thế tôn nói một ấm gọi là Hành ấm, các ấm khác không nói?

Đáp: Dù năm ấm đều là tướng tạo tác, nhưng hành ấm được gọi là hành. Như mười tám giới, dù thể đều là pháp, mà pháp giới được gọi là pháp, cho đến Tam bảo, tam quy, tuy thể là pháp, mà pháp bảo, pháp quy, được gọi là pháp.

Năm ấm như thế dù thể là hành nên được gọi là hành.

Lại nữa, ấm này có một danh, các ấm khác có hai danh.

Lại nữa, ấm này là tên chung, ấm khác là tên chung và không chung, vì tên chung nên nói.

Lại nữa, do có thể sinh tất cả các pháp, vì sinh ở trong pháp đó, nên gọi là hành ấm.

Lại nữa, tướng mang dấu ấn của tất cả pháp là sinh, già, vô thường, vì ở trong pháp kia, nên gọi là hành ấm.

Lại nữa, do tên gọi làm sáng tỏ các pháp, vì tên gọi ở trong pháp đó, nên gọi là Hành ấm.

Lại nữa, vì có thể hiểu pháp không, vì ở trong pháp không đó, nên gọi là hành ấm

Hỏi: Nếu vậy năng chấp ngã, pháp cũng ở trong đó, có thể nói là ấm của ngã được không?

Đáp: Chấp ngã chẳng thật. Hiểu ngã không là thật.

Lại nữa, có thể phân biệt tướng chung, tướng riêng, bỏ đi cái ngu nơi vật thể và ngu trong duyên, không chấp lấy tướng hư giả, vì tuệ ở trong vật thể, trong duyên ấy nên gọi là hành ấm.

Lại nữa, vì trong pháp đó có nhiều pháp, nên gọi là hành ấm. Nhiều pháp, là pháp tương ứng, bất tương ứng. Pháp có chỗ nương dựa, không có chỗ nương dựa. Pháp có hành không có hành. Pháp có duyên, không có duyên. Pháp pháp có thể dụng, không có thể dụng.

Hỏi: Vì sao trong các ấm, pháp tâm sở gọi là tướng, thọ riêng lập làm ấm. Pháp tâm sở khác lại lập là hành ấm?

Tôn giả Bà-Xa nói: Do Đức Thế tôn nhận biết một cách quyết định về pháp tướng, cũng biết rõ về thế dụng, trong khi người khác thì không thể biết. Nếu pháp nào có khả năng lập riêng ấm, thì lập, còn pháp không thể thì phải đợi tập hợp lại mới lập.

Lại nữa, vì muốn dùng đủ các thuyết các văn trang nghiêm cho nghĩa. Nếu dùng các thuyết văn trang nghiêm cho nghĩa, thì nghĩa sẽ dễ hiểu.

Lại nữa, vì muốn thể hiện hai môn, hai lược, hai nhập, cho đến nói rộng.

Lại nữa, lập bày hiện môn, hiện lược này bắt đầu vào pháp tâm sở hiện có, hoặc là căn tánh, hoặc chẳng phải căn tánh. Nếu nói thọ nên biết đã nói về căn tánh. Nếu nói Tướng thì phải biết nói về phi căn tánh. Như căn tánh, phi căn tánh, minh, chẳng phải minh, có oai thế không có oai thế, có năng lực không có năng lực, nên biết cũng giống như thế.

Lại nữa, do hai pháp này, nên cõi Sắc, cõi Vô sắc có khác nhau.

Vì thọ nên nói cõi Sắc khác nhau, vì tướng nên nói cõi Vô sắc khác nhau.

Lại nữa, hành giả do hai pháp này, nên sinh nhiều khổ não trong hai cõi: Vì thọ, nên sinh lắm khổ não trong cõi Sắc. Vì tướng, nên ở trong cõi Vô sắc sinh nhiều khổ não.

Lại nữa, do tham lạc thọ, vì đấm nhiễm tướng điên đảo, nên chúng sinh phải chịu khổ não lớn ở trong sinh tử.

Lại nữa, do hai pháp này là cội gốc của sự tranh chấp. Thọ là cội

gốc tranh chấp của ái. Tưởng là cội gốc tranh chấp của kiến. Như hai thứ cội gốc của sự tranh chấp hai phiên não, hai biên, hai mũi tên, hai hý luận, hai kiến, nên biết cũng giống như thế.

Lại nữa, do hai pháp này, nên Tâm riêng được gọi là thức trụ. Pháp tâm sở khác ở trong hành ấm được gọi là thức trụ.

Lại nữa, vì hành giả rất ghét hai pháp này, nên nhập định Diệt tận. Như Luận Thi Thiết nói: Dùng phương tiện gì để được định Diệt tận?

Thế nào là tu phương tiện để được định Diệt tận?

Đáp: Hành giả, trước phải suy nghĩ: Làm sao khiến cho ta không nghĩ về các hành, khiến cho tưởng, thọ bất sinh, hễ sinh thì diệt. Nếu tưởng, thọ bất sinh, hễ sinh thì diệt, đó gọi là định diệt.

Hỏi: Vì sao pháp vô vi không được lập ấm?

Đáp: Vì không có tướng ấm, nên không lập ấm.

Lại nữa, vì ấm ấy ở xứ rốt ráo, nên không lập ấm. Như bình, y, chỗ rốt ráo không gọi là bình, y, ấm kia cũng như thế.

Lại nữa, nếu pháp là tướng hữu vi có sinh diệt, có nhân, có duyên thì lập ấm, vì pháp vô vi bất sinh, diệt, không có nhân, không có tướng hữu vi, nên không lập ấm.

Lại nữa, nếu pháp thuộc về nhân, thuộc về duyên, thuộc về tác giả hòa hợp, thì lập ấm. Pháp vô vi vì không thuộc về nhân, không thuộc duyên, không thuộc về hòa hợp, tác, nên không lập ấm.

Lại nữa, nếu pháp tùy theo sự vận hành của thế gian, có thể tạo ra quả, có thể có chỗ tạo tác, có thể biết duyên thì lập làm ấm. Pháp vô vi sai trái với các tính chất trên nên không lập làm ấm.

Lại nữa, ấm tùy thuộc về sự vận hành của đời, còn pháp vô vi không thuộc vào sự chuyển vận của thế gian. Ấm nối tiếp với khổ, pháp vô vi không nối tiếp với khổ. Ấm có trước, sau, pháp vô vi không có trước, sau. Ấm có thượng, trung, hạ, pháp vô vi không có thượng, trung, hạ.

Lại nữa, thể của vô vi chẳng phải sắc, cũng không gọi là sắc, cho đến thể vô vi chẳng phải thức, cũng không gọi là thức.

Lại nữa, vì pháp hữu vi từ người khác sinh, nên lập ấm. Pháp vô vi vì không từ người khác sinh, nên không lập ấm.

Pháp vô vi do những việc như thế, nên không lập ấm.

Kinh của Đức Thế tôn nói: Năm ấm, ấm giới, ấm định, ấm tuệ, ấm giải thoát, ấm giải thoát tri kiến.

Hỏi: Cũng thế thì có mười ấm, vì sao nói năm ấm?

Đáp: Vì năm ấm sau này là ở trong năm ấm trước: Ấm giới ở trong

sắc ấm, bốn ấm còn lại ở trong hành ấm. Cho nên nói năm. Trong kinh lại nói: Tôn giả A-nan nói rằng: Tôi theo bên Phật, thọ tám vạn pháp ấm. Theo bên Tỳ-kheo thọ hai vạn pháp ấm.

Hỏi: Có nhiều ấm như thế v.v..., vì sao Đức Thế tôn chỉ nói năm ấm?

Đáp: Mặc dù có rất nhiều ấm như thế, nhưng cũng ở trong năm ấm.

Hoặc có thuyết nói: Thể của Phật ngữ là khẩu nghiệp.

Hoặc có thuyết nói: Thể là danh. Nếu nói Thể là khẩu nghiệp, là thuộc về sắc ấm. Nếu nói thể là danh, thì thuộc về hành ấm, cho nên đều ở trong năm ấm.

Hỏi: Số lượng đã phân rõ của pháp ấm, tính chừng bao nhiêu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Như Luận Pháp ấm nói: Sáu ngàn kệ là lượng đã phân rõ của một pháp ấm. Các pháp ấm khác cũng thế.

Lại có thuyết nói: Như về lượng ngôn từ của Thế tôn nói về bốn niệm xứ là lượng đã phân rõ của một pháp ấm. Bốn chánh dứt, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác ý tám đạo chủng cũng giống như thế.

Tôn giả Cù-sa nói: Năm mươi vạn năm ngàn năm trăm năm mươi bài kệ là lượng đã phân rõ của một pháp ấm.

Lời bình: Nếu nói rằng: Các hành của chúng sinh có tám vạn. Phật nói pháp đối trị cũng có tám vạn. Người được Phật hóa độ vào trong pháp Phật, do tám vạn pháp, tức là tám vạn pháp ấm.

Năm thủ ấm: là Sắc thủ ấm, thọ, tưởng, hành, thức thủ ấm.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đây là kinh Phật. Kinh Phật nói năm thủ ấm, cho đến nói rộng. Kinh Phật dù nói năm thủ ấm, nhưng không phân biệt rộng, nay vì muốn phân biệt rộng, nên soạn luận này.

Thế nào là sắc thủ ấm?

Đáp: Nếu sắc là hữu lậu, là giữ lấy sắc đó ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu duyên theo sắc đó sinh dục, sinh ái, sinh giận dữ, sinh si, sinh sợ hãi, sinh ra các pháp phiền não của tâm như thế v.v...

Sinh dục, sinh ái: Là khát ái. Sinh giận dữ: Là sự giận dữ. Sinh si là vô minh. Sinh sợ hãi: Hoặc có thuyết nói: Không nên nói như thế. Vì sao? Vì trước đây đã nói Tánh của phiền não tức là sợ hãi.

Hỏi: Nếu vậy thì thể tánh của sợ hãi là gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói là tánh của thân kiến. Vì sao? Vì chúng sinh chấp ngã nên thường sợ hãi. Nếu nói thân kiến, nên biết là đã nói

sợ hãi.

Lại có thuyết nói: Thể tánh là ái. Vì sao? Vì người hành ái thường sợ hãi. Nên nói ái thì biết là đã nói về sợ hãi. Lại có thuyết nói, Thể tánh là vô minh. Vì sao? Vì người si là người thường sợ hãi. Nếu nói si phải biết đã nói về sợ hãi.

Lời bình: Nên nói là sợ hãi. Vì sao? Vì thể tánh của sợ hãi khác nhau: Sợ hãi là pháp tâm sở tương ứng với tâm. Các pháp khác như thế v.v... ở trong pháp như vậy, đó gọi là pháp tâm sở.

Hỏi: Xứ nào có sự sợ hãi này?

Đáp: Ở cõi Dục, chẳng phải ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu ở cõi Sắc không có sự sợ hãi, thì làm sao hiểu được kinh Phật. Như nói: Tỳ-kheo nên biết! Trước chúng sinh sinh lên cõi trời Quang Âm, thấy người sinh sau tâm sinh sợ hãi, nên an ủi rằng: Đại Tiên đừng sợ! Chúng tôi thường thấy các cung Phạm bị thiêu đốt, ở đó liền diệt. Về nghĩa kệ làm sao hiểu được? Như kệ nói:

*Nghe các trời Trường thọ
Có tiếng khen sắc diệu
Tâm nơm nớp sợ hãi
Như nai sợ sư tử.*

Đáp: Trong đây nói chán lìa là sợ hãi.

Hỏi: Chán lìa và sợ hãi có gì khác nhau?

Đáp: Tên gọi tức là khác nhau, đó gọi là chán lìa, đó gọi là sợ hãi.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Nếu ở cõi Dục thì gọi là sợ hãi. Nếu ở cõi Sắc, thì gọi là chán lìa. Trung gian của phiền não sinh là sợ hãi, trung gian của căn thiện sinh là chán lìa.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Đối với việc không có lợi, sinh nghi. Muốn được xa lìa là sợ hãi, đã được xa lìa, tâm cũng sinh động là chán lìa. Sự sợ hãi với chán lìa đó là khác nhau.

Hỏi: Ai có sự sợ hãi này? Là phàm phu hay bậc Thánh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Là phàm phu chẳng phải bậc Thánh. Vì sao? Vì bậc Thánh đã lìa Năm việc sợ hãi. Năm việc sợ hãi là:

1. Sợ không sống.
2. Sợ tiếng xấu.
3. Sợ đại chúng.
4. Sợ chết.
5. Sợ đường ác.

Lời bình: Nên nói rằng: Phàm phu cũng sợ, bậc Thánh cũng sợ.

Hỏi: Không phải bậc Thánh đã lìa Năm việc sợ hãi hay sao?

Đáp: Dù bậc Thánh không có các sự sợ hãi như thế, nhưng vẫn có nỗi sợ trong giây lát.

Hỏi: Các bậc Thánh nào còn có sự sợ hãi? Là người Hữu học hay là người Vô học?

Đáp: Cũng là người hữu học cũng là người Vô học. Người Hữu học là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Người Vô học: A-la-hán, Bích-chi Phật, chỉ trừ Phật, Thế tôn. Vì sao? Vì Đức Thế tôn không có sự sợ hãi, ngờ vực, lo nghĩ.

Pháp phiến nào của tâm như thế v.v... Nghĩa là duyên theo tất cả biến sử của sắc và chỗ dứt trừ.

Thọ thủ ấm là thế nào?

Nếu thọ là hữu lậu, là thủ, nói rộng như sắc ấm.

Sự khác nhau ở đây là: duyên với thọ kia hết thấy biến chẳng phải sử hết thấy biến. Như thọ, tưởng, hành, thức nói cũng giống như vậy. Đây là thể của Thủ ấm, cho đến nói rộng.

Đã nói về thể tánh của thủ ấm. Về lý do nay sẽ nói:

Vì sao gọi là thủ ấm? Thủ ấm là nghĩa gì?

Đáp: Vì từ Thủ sinh, nên gọi là Thủ ấm. Vì có thể sinh ra Thủ, nên gọi là Thủ ấm.

Lại nữa, vì từ thủ chuyển biến, nên gọi là thủ ấm. Vì có thể chuyển biến thủ, nên gọi là thủ ấm.

Lại nữa, vì có thể thọ nhận từ thủ, nên gọi là thủ ấm. Vì có thể thọ nhận thủ, nên gọi là Thủ ấm.

Lại nữa, vì từ thủ tăng trưởng, nên gọi là thủ ấm. Vì có thể làm tăng trưởng thủ, nên gọi là Thủ ấm.

Lại nữa, vì từ Thủ được rộng nên gọi là Thủ ấm. Vì có thể làm rộng Thủ nên gọi là Thủ ấm.

Lại nữa, vì thuộc về thủ, nên gọi là Thủ ấm. Như người thuộc về vua nên gọi là người của vua Thủ ấm kia cũng giống như thế. Ở trong không có ngã, nếu người hỏi ấm: Ông thuộc về ai? Ấm nên đáp: Ta thuộc về Thủ.

Lại nữa, Thủ ở trong ấm, lúc ấm sinh, thì sinh, lúc ấm trụ thì trụ, lúc ấm sai khiến thì sai khiến, mà không suy yếu, hao hụt. Đó gọi là Thủ ấm.

Lại nữa, Thủ ở trong ấm, sinh trưởng, rộng thêm, nên gọi là Thủ ấm.

Lại nữa, Thủ ở trong ấm, tăng trưởng lợi ích, nên gọi là Thủ ấm.

Lại nữa, Thủ ở trong ấm, sinh ra tham đắm, giống như bụi nhơ, đó gọi là Thủ ấm.

Lại nữa, Thủ ở trong ấm, tâm sinh ưa đắm, cũng như cá v.v... thích nước, nên gọi là Thủ ấm.

Lại nữa, vì thủ là ấm, theo chỗ ở mà lập xứ, nên gọi là Thủ ấm. Vì dựa vào ấm này, nên sinh ra các phiền não cấu uế như ái, kiến, mạn, vô minh, nghi, giận. Vì giống với thủ, nên gọi là thủ ấm. Như thủ cõi Dục, gọi là thủ ấm cõi Dục. Thủ cõi Sắc, gọi là thủ ấm cõi Sắc. Thủ cõi Vô sắc, gọi là thủ ấm cõi Vô sắc. Không hủy hoại giới, không hủy hoại ở địa, mà hư hoại ở thân. Vì ngã thủ, nên ấm của người khác, gọi là thủ ấm. Vì người khác thủ, nên ấm của ta, gọi là thủ ấm. Nếu không hủy hoại thân, thì tất cả vật bên ngoài sẽ không gọi là thủ ấm. Vì sao? Vì trong vật bên ngoài kia không có thủ ấm.

Hỏi: ấm và Thủ ấm có gì khác nhau không?

Đáp: Tên gọi là tức khác nhau: Đây là ấm, đây là thủ ấm.

Lại nữa, ấm là hữu lậu, vô lậu, còn thủ ấm là hữu lậu.

Lại nữa, ấm gồm nhiếp ba đế, thủ ấm gồm nhiếp hai Đế.

Lại nữa, khi ấm bị sự quở trách, thì người tăng trưởng chịu sự quở trách. Lúc được khen ngợi, người vắng lặng thọ nhận sự khen ngợi. Thủ ấm chỉ thọ nhận sự quở trách, lúc đó người tăng trưởng nhận lãnh sự quở trách. Đó là ấm, Thủ ấm khác nhau.

Sáu giới: Giới đất, giới nước, giới lửa, giới gió, giới hư không, giới thức.

Hỏi: Vì sao Tôn giả Ca-chiên-diên-tử nhân sáu giới để soạn luận?

Đáp: Vì Tôn giả kia có ý như thế, muốn như thế, theo ý muốn của Tôn giả mà soạn luận, cũng không trái với pháp tướng. Ý của Tôn giả kia muốn nhân nơi sáu giới để soạn luận, bèn nhân nơi sáu giới mà soạn.

Lại nữa, không nên hỏi vì sao Tôn giả kia nhân nơi sáu giới để soạn luận. Vì sao? Vì đây là kinh Phật. Kinh Phật nói mười tám giới, Phật đối với mười tám giới nói sáu giới. Sáu giới gồm nhiếp mười tám giới, năm giới và phần ít của bốn giới.

Gồm năm giới: Giới nhãn thức và giới nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức.

Phần ít của bốn giới: Bốn giới là: Giới sắc, Giới xúc, giới ý và giới ý thức. Giới hư không gồm nhiếp phần ít của giới sắc. Giới đất, nước, lửa, gió gồm nhiếp phần ít của giới xúc. Giới thức gồm nhiếp phần ít

của Giới ý và Giới ý thức.

Phần ít của hai giới này là sao?

Đáp: Hai giới hữu lậu, vô lậu này vì gồm nhiếp hữu lậu, không gồm nhiếp vô lậu, cho nên chỉ gồm nhiếp phần ít. Phần ít của năm giới bốn giới gồm nhiếp sáu giới.

Hỏi: Vì sao Đức Phật đối với mười tám giới nói sáu giới?

Đáp: Vì người được Phật hóa độ. Người được Phật hóa độ, đối với cảnh giới trí, hoặc có người ngu toàn phần, hoặc có kẻ ngu phần ít. Nếu đối với người ngu phần ít, Phật sẽ vì họ nói sáu giới, kẻ ngu hoàn toàn, thì sẽ vì họ nói mười tám giới.

Lại nữa, người được Phật hóa độ, với căn tánh nhạy bén, chậm lụt. Với người căn tánh nhạy bén, vì họ nói sáu giới. Với kẻ căn tánh chậm lụt thì Phật vì họ nói mười tám giới.

Lại nữa, người thọ lãnh Phật hóa độ, hoặc có nhanh có, chậm. Người nhanh chóng, thì vì họ nói sáu giới, người chậm chạp, thì vì họ nói mười tám giới.

Lại nữa, người được Phật hóa độ, có người ưa tóm lược, có người thích nói rộng. Ưa tóm lược thì nói sáu giới, thích nói rộng thì nói mười tám giới.

Lại nữa, vì muốn hiện môn, nên tất cả các cõi, hoặc sắc tánh, hoặc chẳng phải sắc tánh. Nếu nói năm giới, phải biết là đã nói các giới của sắc tánh. Nếu nói thức giới, nên biết đã nói các giới của Vô sắc tánh. Như Sắc, cõi Vô sắc, có thể thấy, không thể thấy, có đối, không có đối, tương ứng, không tương ứng, có nường, không nường, có hành, không hành, có thể dụng, không có thể dụng, có duyên, không có duyên, nên biết cũng giống như vậy.

Lại nữa, sáu giới có thể sinh ra, nuôi lớn thân cõi Sắc, cõi Vô sắc. Sinh: là giới thức dưỡng: là giới, đất, nước, lửa, gió, nuôi lớn là giới hư không.

Lại nữa, sáu giới này có thể nhận lấy, gìn giữ, làm tăng trưởng thân cõi Sắc, cõi Vô sắc. Nhận lấy là giới thức, gìn giữ là giới đất, nước, lửa, gió. Làm tăng trưởng là giới hư không.

Lại nữa, sáu giới này là phần cội gốc của chúng sinh, là cội gốc của chúng sinh ở tất cả xứ, là cội gốc của chúng sinh từ vô thủy đến nay là cội rễ của chúng sinh có chỗ phân biệt, không có đối tượng phân biệt.

Cội gốc của chúng sinh: Chúng sinh cõi Dục, cõi Sắc, từ Sinh hữu cho đến Tử hữu Sáu giới này, không có lúc nào không có thể dụng.

Cội gốc của chúng sinh ở tất cả xứ: Không có chúng sinh cõi Dục,

cõi Sắc, từ Sinh hữu cho đến Tử hữu sáu giới này lúc nào cũng đều có thể dụng.

Cội gốc của chúng sinh từ Vô tử đến nay: Chúng sinh không có bờ mé trước, không có chúng sinh từ Sinh hữu đến Tử hữu, sáu giới này không lúc nào là không có thể dụng.

Cội gốc của chúng sinh có sự phân biệt, không có sự phân biệt: Chúng sinh có thể phân biệt là nam, là nữ, như lúc là Ba-la-xa Khư, sáu giới này cũng có thể dụng. Chúng sinh không thể phân biệt là nam, là nữ, như lúc là Ca-la-la, An-Phù-Đà, Tỳ-Thi-Già-na thì Sáu giới này cũng có thể dụng.

Tôn giả Cù-sa nói: Duyên theo sáu giới này, nên chúng sinh được vào thai mẹ. Do những việc ấy v.v..., nên Đức Phật nói sáu giới trong mười tám giới.

Thế nào là giới đất?

Đáp: Là tánh cứng chắc, tóm lại, là cứng chắc mà cứng chắc, có vô lượng khác nhau, tánh cứng chắc trong pháp nội khác, tánh cứng chắc trong pháp ngoại khác.

Tánh cứng chắc trong pháp nội khác: Nghĩa là nói: Tóc, lông, móng tay, răng, da mỏng, da dày, da, thịt, gân, mạch, xương, tim, lá lách, thận, gan, phổi, sinh tạng, thực tạng, dạ dày, nước tiểu, tay chân v.v... là các phần cứng chắc của thân. Trong phần pháp nội, chân cứng hơn tay. Vì sao? Vì chúng sinh đi bằng chân, nếu con người phải dùng tay để đi, thì tất cả gân, máu, thịt của tay sẽ mau hư hoại.

Chúng sinh với các phần của thân như thế v.v..., đều tự có sự vượt hơn.

Chất cứng trong pháp ngoại: Các vật đất, núi, đá to, đá nhỏ, cây gỗ, đồng, sắt, bạch lạp, chì, thiếc, vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, ngọc kha, bồi, v.v...

Các vật cứng chắc trong ngoài như thế nói chung là tướng cứng chắc.

Giới nước là thế nào?

Đáp: Là ẩm ướt, tóm lại, chất ẩm ướt mà ẩm ướt, có vô lượng khác nhau. Chất ẩm ướt của pháp bên trong khác, chất ẩm ướt của pháp bên ngoài khác.

Chất ẩm ướt của pháp trong: là nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước dãi, mỡ lá, tủy, nước miếng, gan, mủ, máu, óc, đàm dãi, nước tiểu, chất nước bên trong là như thế v.v...

Chất ẩm ướt trong pháp ngoại: nước suối, nước ao, nước sông,

nước bốn biển v.v....

Các chất ẩm ướt trong, ngoài như thế v.v... gọi là chung là giới nước.

Thế nào là giới lửa?

Đáp: Nóng. Nói chung là nóng mà nóng, có vô lượng khác nhau. Nóng trong pháp nội khác, nóng trong pháp ngoài khác.

Nóng trong pháp trong: Có thể làm cho thân này ấm, thức uống ăn đã ăn, có thể làm cho tiêu hóa, khiến thân được yên ổn. Nếu lúc tăng trưởng thì gọi là bệnh nóng.

Nóng trong pháp ngoài: Như đuốc, đèn, đèn dầu, lửa đốt thành, đốt làng, lửa ngọc Ma-ni, lửa cỏ thuốc, lửa của sự sáng suốt mặt trời, lửa sự sáng suốt của cung chư thiên, lửa Ba-đa-la, v.v...

Hoặc có thuyết nói: Lửa nóng của pháp nội, chẳng phải lửa của pháp ngoài. Vì sao? Vì nếu bỏ thức uống ăn vào chảo sắt, đồng, đốt cho lửa cháy mạnh, thì không thể làm cho màu sắc của thức uống ăn kia thay đổi như thức ăn trong bụng.

Sức nóng trong pháp ngoài pháp trong như thế, v.v... đều gọi là giới lửa.

Thế nào là giới gió?

Đáp: Sự lay động nhẹ, nói chung, là sự lay động nhẹ mà có tướng lay động nhẹ với vô lượng khác nhau: Sự lay động nhẹ trong pháp nội khác, sự lay động nhẹ trong pháp ngoài khác.

Sự lay động nhẹ trong pháp nội: Như gió hướng lên, gió hướng dưới, gió dừng lại ở hông, gió dừng lại ở bụng, gió dừng lại ở lưng, gió như kim châm chích, gió như dao cắt, gió như hơi thổi ra vào, gió của các chi tiết v.v...

Gió trong pháp ngoài: như gió bốn phương, gió có bụi, gió không có bụi, gió khắp, gió không khắp, gió nhỏ, gió to, gió Tỳ-lam, gió phong luân v.v...

Các thứ gió trong ngoài như thế: gọi chung là giới gió.

Giới hư không là thế nào?

Đáp: Kinh Phật nói: Khoảng trống trong hố mắt, khoảng trống trong lỗ mũi, khoảng trống trong miệng, khoảng trống trong cổ họng, khoảng trống trong ngăn tim, khoảng trống bên cạnh tim, chỗ thức uống ăn vào dừng lại, chỗ thức ăn đã đi xuống, hướng đến chỗ ở, đây là giới hư không.

Người A-tỳ-đàm nói rằng: Thế nào là giới hư không? Sắc chứa nhóm sắc bên cạnh. Sắc chứa nhóm, sắc bên cạnh: Như bên cạnh tường

vách, cạnh cây trong, cửa sổ hướng ra lối đi, nơi đến, sắc trung gian.

Lại có thuyết nói: Văn ấy nên nói như vậy: Thế nào là giới hư không? Đáp: Sắc không thể trừ bỏ bên cạnh sắc. Sắc có hai thứ:

1. Sắc có thể trừ bỏ.

2. Sắc không thể trừ bỏ.

Sắc có thể trừ bỏ là số chúng sinh. Sắc không thể trừ bỏ là số phi chúng sinh. Giới hư không này là sắc bên cạnh, sắc không thể trừ bỏ. Nghĩa là bên cạnh tường vách, khoảng giữa cây, lá, cửa sổ hướng ra đường đi, nơi đến, sắc bên cạnh.

Sa-môn nước Kế-tân, thuộc cựu A-tỳ-đàm, nói rằng: Xương cũng có giới hư không. Gân, thịt, máu, da, ngày, đêm, sắc hình, sáng, tối cũng có giới hư không

Hỏi: Duyên nơi Nhân thức kia có sinh chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Bất sinh. Vì sao? Vì năng duyên, nên gọi là duyên, vì thức kia không do sinh?

Lại có thuyết nói là: Sinh.

Hỏi: Vì sao không hiện rõ?

Đáp: Vì ban ngày bị sự sáng suốt che khuất, ban đêm bị bóng tối che lấp, nên không hiện rõ.

Hỏi: Hư không, giới hư không, có gì khác nhau?

Đáp: Hư không chẳng phải sắc. Giới hư không là sắc. Hư không chẳng thể thấy, giới hư không có thể thấy. Hư không chẳng có đối. Giới hư không có đối. Hư không là vô vi, giới hư không là hữu vi.

Hỏi: Nếu hư không là vô vi thì kinh Phật làm sao hiểu được? Như kinh Phật nói: Như lai dùng tay sờ hư không. Các Tỳ-kheo! Đức Thế tôn dùng tay sờ pháp vô vi?

Đáp: Ở đây nói giới hư không là hư không. Như kinh khác nói: Tỳ-kheo nên biết! Nếu họa sĩ hoặc học trò của họa sĩ đều nói: Ta có thể dùng vô số màu sắc xen lẫn để vẽ trong hư không, cho đến nói rộng, thì giới hư không nói ở đây là hư không, như kệ nói:

Nai hutou về rừng

Chim về hư không

Pháp về phân biệt

La-hán về diệt.

Trong kệ này cũng nói giới hư không là hư không, lại như kệ nói:

Hư không chẳng dấu vết

Ngoại đạo không Sa-môn

Ngu, tiểu có hý luận

Như lai thì không có.

Ở đây cũng nói giới hư không là hư không. Chỗ khác cũng hỏi về hư không, mà đáp là giới hư không. Như Phái Ba-già-la-na nói: Thế nào là hư không? Đáp: Là hư không chẳng chướng ngại sắc, khiến cho sắc khắp.

Hỏi: Vì sao hỏi hư không, mà lại đáp giới hư không?

Đáp: Giới hư không thô, hư không thì tế. Vì muốn dùng pháp thô để làm sáng tỏ pháp vi tế.

Hỏi: Làm sao biết có hư không?

Tôn giả Hòa-tu-mật đáp: Vì Phật nói, nên biết có hư không.

Hỏi: Vì nghe người khác nói, nên biết có hư không, chứ chẳng phải do hiện trí của mình mà biết phải không?

Đáp: Cũng do hiện trí của mình mà biết, vì nếu chẳng có hư không thì sẽ không có chỗ để dung chứa vật thể, vì có chỗ dung chứa vật thể nên biết có hư không. Vì có chỗ trở ngại, không trở ngại, nên biết có hư không.

Lại nữa, vì có ngăn ngại, không có ngăn ngại, nên biết có hư không. Nếu ở chỗ nào có sự ngăn ngại, thì chẳng phải hư không. Nếu ở chỗ nào không có ngăn ngại thì nơi đó là hư không.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Hư không chẳng thể biết, vì chẳng phải pháp có thể biết. Vì sao? Vì hư không chẳng phải sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải đó, chẳng phải đây. Cái gọi là hư không, chẳng qua là do thế tục giả gọi để phân biệt mà thôi.

Hỏi: Hư không do cái gì làm ra?

Đáp: Hư không là vô vi, không do ai làm ra, cùng với các giới hư không, tạo ra duyên oai thế gần. Các thứ giới hư không và bốn đại, tạo ra duyên oai thế gần. Bốn đại và sắc tạo có đối, tạo ra duyên oai thế gần. Sắc tạo có đối và pháp tâm, tâm sở tạo ra duyên oai thế gần.

Làm hư hoại xoay vần pháp xoay vần như thế v.v... gọi là vô hư không. Nhưng, hư không thật có thể tướng.

Gới thức là thế nào?

Đáp: Năm thức thân và ý thức hữu lậu.

Hỏi: Vì sao trong giới không nói về ý thức vô lậu?

Đáp: Nếu pháp có thể làm cho tăng trưởng, thì lập giới. Vì thức vô lậu trái với pháp này, nên không lập giới.

Lại nữa, nếu pháp có thể làm cho nối tiếp nhau, tăng trưởng sinh, già, bệnh, chết, thì lập giới. Ý thức vô lậu vì trái với pháp này, nên không lập giới.

Lại nữa, nếu pháp là khổ, tập, đạo, tức là sanh, già, bệnh, chết thì lập giới, còn ý thức vô lậu trái với pháp này, nên không lập giới.

Lại nữa, nếu thể của pháp là thân kiến điên đảo là ái, là sử, là tham, giận, si, tạo ra chỗ đứng: Có cấu uế, chất độc xen lẫn, mũi nhọn, vắn đục, rơi vào hữu, rơi vào khổ, tập đế thì lập giới. Vì thức vô lậu trái với pháp này, nên không lập giới.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Vì sao Thức vô lậu không lập giới?

Đáp: Vì giới này từ hữu lậu sinh, còn thức vô lậu thì bất sinh từ hữu lậu.

Lại nữa, giới này có thể sinh hữu lậu, còn thức vô lậu bất sinh hữu lậu.

Lại nữa, người chấp ngã, đối với giới chấp ngã, không có chấp ngã đối với thức vô lậu.

Lại nữa, sáu giới giả gọi là người, thức vô lậu không giả gọi là người.

Lại nữa, giới được gọi là pháp có báo, còn thức vô lậu thì không gọi là pháp có báo.

Lại nữa, vì duyên theo giới này mà vào thai mẹ, không duyên thức vô lậu mà vào thai mẹ.

Lại nữa, sáu giới này là pháp vô thí, còn thức vô lậu chẳng phải pháp vô thí.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Sáu giới này là phần của thân, thức vô lậu chẳng phải phần của thân.

Hỏi: Ấm, thủ ấm, giới, ba thứ này có gì khác nhau?

Đáp: Tên gọi tức là khác nhau: đó gọi là ấm, đó gọi là thủ ấm, đó gọi là giới.

Lại nữa, lập bày hữu vi là ấm, lập bày hữu lậu là thủ ấm, lập bày chúng sinh là giới.

Lại nữa, chỗ tạo tác vượt hơn là ấm. Làm tăng trưởng chỗ tạo tác vượt hơn là thủ ấm. Sự sinh nối tiếp nhau vượt hơn là giới. Đó là sự khác nhau giữa ấm, thủ ấm và giới.

